

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HAPROSIMEX**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014**



---

Hà Nội, tháng 03 năm 2015

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

#### **Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng thành viên:**

Ông Nguyễn Cự Tầm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Dân	Thành viên
Bà Lê Tuyết Mai	Thành viên

#### **Ban Giám đốc:**

Ông Nguyễn Cự Tầm	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Bích Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Kim Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



**Nguyễn Cự Tầm**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2015



Số: 133/2015/AP - BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Hội đồng thành viên  
Ban Giám đốc  
Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2015 từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Trong Báo cáo kiểm toán số 115/2015/AP-BCKT ngày 15/5/2014 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex, kiểm toán viên đã không đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính của Công ty do ảnh hưởng của một số vấn đề liên quan đến cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến. Ngoài ra, một số nghiệp vụ hạch toán kế toán không đúng quy định đã ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty; các vấn đề này chưa được khắc phục cùng một số vấn đề phát sinh trong năm đã ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty thể hiện:
  - Kiểm toán viên không xác nhận được số dư tại ngày 31/12/2013 của các khoản mục: Tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho, tài sản cố định, các khoản mục công nợ phải thu của khách hàng, phải trả cho người bán, trả trước cho người bán. Kết thúc năm 2014, Công ty chưa thực hiện đối chiếu được đầy đủ số dư các khoản công nợ nêu trên; Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết và thay thế khác để xác nhận được tính hiện hữu và đầy đủ của số dư các khoản công nợ phải thu và công nợ phải trả tại ngày 31/12/2014 của Công ty.
  - Kiểm toán viên không đánh giá được nguyên nhân và tính hợp lý của khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ về khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long được theo dõi tại Công ty và tại công ty con.
  - Khoản lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình Nhà máy Nước Đông Anh lũy kể đến ngày 31/12/2013, khoản chi phí lãi vay này tiếp tục được vốn hóa vào giá trị công trình năm 2014 với số tiền 2.893.883.058 đồng không đúng với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Các khoản chi phí thuê đất, chi phí sử dụng các dịch vụ tiện ích và số tiền phải trả khác liên quan đến các điều khoản của Hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Ninh Hiệp được ký với Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và Đô thị số 18.
  - Việc trích khấu hao bổ sung chưa đủ căn cứ theo kết quả kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản của nhà máy Dệt kim Haprosimex trong các năm trước.



- Trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014, Công ty tiếp tục không đánh giá hiệu quả của các khoản đầu tư vào một số công ty con và công ty liên kết của Công ty là Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long, Công ty Cổ phần Sản xuất xuất nhập khẩu Thanh Hà, Công ty Cổ phần Haprosimex Đông Đô, Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Bao bì và hàng xuất khẩu Hà Nội. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về việc liệu có khoản tổn thất nào có liên quan tới các khoản đầu tư nói trên cần phải được lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hay không.

#### **Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

#### **Vấn đề nhấn mạnh**

Như đã nêu tại thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, ngày 06/10/2014 Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội có công văn số 7677/UBND-KT gửi Sở Tài chính Hà Nội, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam, Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex về việc chấp thuận đề nghị của Sở Tài chính Hà Nội, cho phép thực hiện tái cơ cấu chuyển đổi Công ty TNHH MTV Haprosimex thành công ty Cổ phần theo quy định tại Thông tư số 194/2013/TT-BTC ngày 17/12/2013 của Bộ Tài chính. Hiện tại, Công ty phối hợp với các Ngân hàng, chủ nợ, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam xây dựng phương án tái cơ cấu doanh nghiệp trình Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả thiết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh mặc dù kết quả kinh doanh trong năm 2014 của Công ty tiếp tục bị lỗ khoảng 282,88 tỷ đồng; lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2014 khoảng 486,23 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2014 công nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 574,2 tỷ đồng, nguồn vốn chủ sở hữu đang bị âm với số tiền khoảng 304,63 tỷ đồng. Các vấn đề nêu trên đã gây nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh trong thời gian tới của Công ty. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng cùng với việc thực hiện đề án tái cơ cấu như đã nêu trên, việc xây dựng kết quả kinh doanh hợp lý trong các năm tới, tình hình tài chính của Công ty sẽ được cải thiện và Công ty vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh.



**Vũ Bình Minh**  
Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 0034-2013-148-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2015

**Búi Quốc Trung**  
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1937-2013 -148-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Mẫu B 01 - DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>22.124.461.762</b>	<b>65.184.435.597</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>166.371.657</b>	<b>139.481.883</b>
1. Tiền	111	4	166.371.657	139.481.883
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>992.612</b>	<b>992.612</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.327.425	3.327.425
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.334.813)	(2.334.813)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>13.056.436.645</b>	<b>47.667.434.693</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		27.326.341.112	27.527.021.493
2. Trả trước cho người bán	132		12.713.717.819	12.930.537.132
5. Các khoản phải thu khác	135	5	12.706.839.649	12.177.384.089
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(39.690.461.935)	(4.967.508.021)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>2.351.158.971</b>	<b>11.151.807.570</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.351.158.971	11.151.807.570
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.549.501.877</b>	<b>6.224.718.839</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		973.720.446	782.478.985
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	5.575.781.431	5.442.239.854
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>299.093.932.432</b>	<b>450.933.395.025</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>231.874.431.871</b>	<b>255.515.301.155</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	172.069.580.882	198.551.733.224
- Nguyên giá	222		298.504.498.499	304.163.273.650
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(126.434.917.617)	(105.611.540.426)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	59.804.850.989	56.963.567.931
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9</b>	<b>54.069.909.689</b>	<b>54.069.909.689</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		29.645.267.289	29.645.267.289
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		24.134.000.000	24.134.000.000
4. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		290.642.400	290.642.400
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.149.590.872</b>	<b>141.348.184.181</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	13.149.590.872	141.348.184.181
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>321.218.394.194</b>	<b>516.117.830.622</b>

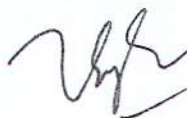
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Mẫu B 01 - DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>625.849.188.716</b>	<b>579.243.066.028</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>596.339.983.160</b>	<b>500.509.586.028</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	359.004.985.981	306.664.606.864
2. Phải trả cho người bán	312		17.584.417.665	18.537.403.792
3. Người mua trả tiền trước	313		2.639.125.889	2.785.121.824
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	3.748.955.979	3.854.863.744
5. Phải trả công nhân viên	315		2.572.725.705	2.765.367.171
6. Chi phí phải trả	316	14	10.248.559.527	9.153.330.361
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	200.411.532.520	156.611.162.378
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		129.679.894	137.729.894
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>29.509.205.556</b>	<b>78.733.480.000</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		20.000.000	20.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	16	13.893.750.000	64.309.250.000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	17	15.595.455.556	14.404.230.000
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>(304.630.794.522)</b>	<b>(63.125.235.406)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>(304.630.794.522)</b>	<b>(63.125.235.406)</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		177.489.029.214	177.489.029.214
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(41.380.780.043)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.394.931.275	1.394.931.275
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.313.878.776	2.313.878.776
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		392.265.073	392.265.073
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(486.235.183.901)	(203.348.844.742)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		14.285.041	14.285.041
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>321.218.394.194</b>	<b>516.117.830.622</b>



**Lê Hoàng Ân**  
Người lập



**Trần Thị Thanh Hương**  
Trưởng phòng kế toán

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2015



**Nguyễn Cự Tâm**  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

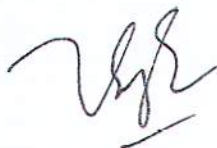
Mẫu B 02 - DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		Năm 2014	Năm 2013
	Mã số			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	24.365.371.338	33.421.326.305
2. Các khoản giảm trừ	02	19	-	46.323.530
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	24.365.371.338	33.375.002.775
4. Giá vốn hàng bán	11	20	47.967.741.350	53.861.391.495
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(23.602.370.012)	(20.486.388.720)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.007.009.242	4.721.544.450
7. Chi phí tài chính	22	22	212.150.803.342	6.311.170.594
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		167.816.940.346	6.071.180.224
8. Chi phí bán hàng	24		1.429.404.660	2.594.057.906
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	42.821.604.824	11.758.608.848
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(278.997.173.596)	(36.428.681.618)
11. Thu nhập khác	31	24	1.511.629.900	3.048.906.798
12. Chi phí khác	32	25	5.400.795.463	1.208.666.735
13. Lợi nhuận khác	40		(3.889.165.563)	1.840.240.063
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(282.886.339.159)	(34.588.441.555)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(282.886.339.159)	(34.588.441.555)

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2015



**Lê Hoàng Ân**  
Người lập



**Trần Thị Thanh Hương**  
Trưởng phòng kế toán



**Nguyễn Cự Tâm**  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu B 03 - DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(282.886.339.159)	(34.588.441.555)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	22.495.219.229	23.179.983.099
- Các khoản dự phòng	03	34.722.953.914	233.148.390
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.559.879.117	-
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1.635.237.413	(5.764.008.750)
- Chi phí lãi vay	06	167.816.940.346	6.071.180.224
3. Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08	(54.656.109.140)	(10.868.138.592)
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(436.738.904)	862.899.638
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	8.800.648.599	7.850.707.969
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11	(84.596.199.790)	(13.424.122.211)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	128.198.593.309	-
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(2.338.777.325)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.689.805.926)	(17.917.430.521)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm TSCĐ và đầu tư xây dựng	21	-	(324.792.000)
2. Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	22	1.511.629.900	1.838.372.989
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	9.954.992.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	840.065.800	987.163.761
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.351.695.700	12.455.736.750
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.145.000.000	8.640.300.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(780.000.000)	(14.869.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	365.000.000	(6.228.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	26.889.774	(11.690.393.771)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	139.481.883	11.829.875.654
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	166.371.657	139.481.883

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2015

Lê Hoàng Ân  
Người lập

Trần Thị Thanh Hương  
Trưởng phòng kế toán



Nguyễn Cự Tâm  
Tổng Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***1. KHÁI QUÁT CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3365/QĐ-UBND ngày 13/07/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty mẹ - Công ty sản xuất, xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội thành công ty TNHH Một thành viên Haprosimex, Công ty được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100101724 ngày 01 tháng 12 năm 2010, Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất số 0100101724 ngày 19/08/2011.

Tên giao dịch quốc tế là HAPROSIMEX LTD., CO

Công ty có địa chỉ tại số 22 Hàng Lược, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm: Văn phòng Công ty tại Hà Nội; Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh; Chi nhánh tại Cộng Hoà Nam Phi và Nhà máy Dệt kim Haprosimex.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty gồm:

- a) Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu trong các ngành, nghề, lĩnh vực chính sau:
  - Tổ chức các cơ sở hàng dệt, may mặc, dệt len, lắp ráp xe gắn máy, chế biến nông lâm sản để xuất khẩu;
  - Xuất khẩu các mặt hàng: thủ công mỹ nghệ, công nghiệp, hàng nông lâm sản, hải sản, lương thực, thực phẩm, khoáng sản, vật tư nguyên liệu, máy móc thiết bị phụ tùng, phương tiện cho các ngành sản xuất, phân bón (trừ loại Nhà nước cấm);
  - Nhập khẩu phương tiện vận tải, ô tô, xe máy, thiết bị vật liệu trang trí nội thất;
  - Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng phát triển nhà, trung tâm thương mại, khách sạn, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, công trình công cộng, giao thông, văn hóa (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
  - Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
  - Dịch vụ cho thuê, nhà ở, kho, bến bãi đỗ xe, siêu thị, giao nhận vận chuyển hàng hóa, các dịch vụ đô thị khác;
  - Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch;
  - Mua, bán, nhập khẩu máy điện thoại và thiết bị viễn thông;
  - Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa; dịch vụ thể dục, thể thao, vui chơi giải trí và dịch vụ phục vụ khu vui chơi thể thao (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
  - Tổ chức đào tạo, dạy nghề (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo quy định hiện hành của Pháp luật;
  - Hợp tác, liên doanh, liên kết, mở cửa hàng, đại lý giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm của Công ty và các sản phẩm liên doanh với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước;
- b) Đầu tư và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu hoặc cổ đông, thành viên góp vốn tại các đơn vị thành viên, doanh nghiệp có vốn góp của công ty.
- c) Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của Pháp luật.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN****Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex được lập trên cơ sở cộng ngang các chỉ tiêu tương ứng trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại Hà Nội, Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh và Xí nghiệp Dệt kim Haprosimex sau khi đã loại trừ các khoản công nợ phải thu và phải trả nội bộ và các giao dịch nội bộ.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Ngày 06/10/2014 Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội có công văn số 7677/UBND-KT gửi Sở Tài chính Hà Nội, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam, Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex, chấp thuận đề nghị của Sở Tài chính Hà Nội, cho phép thực hiện tái cơ cấu chuyển đổi Công ty TNHH MTV Haprosimex thành công ty Cổ phần theo quy định tại Thông tư số 194/2013/TT-BTC ngày 17/12/2013 của Bộ tài chính. Hiện tại, Công ty đang phối hợp với các Ngân hàng chủ nợ, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam xây dựng phương án tái cơ cấu doanh nghiệp trình Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả thiết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh mặc dù kết quả kinh doanh trong năm 2014 của Công ty bị lỗ khoảng 282,88 tỷ đồng, lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2014 khoảng 486,23 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2014 công nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 574,2 tỷ đồng, nguồn vốn chủ sở hữu đang bị âm với số tiền 304,63 tỷ đồng. Các vấn đề nêu trên đã gây nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh trong thời gian tới của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào việc thực hiện đề án tái cơ cấu nêu trên. Báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng của các sự kiện không chắc chắn nói trên.

**Chế độ kế toán mới đã ban hành**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200"). Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 trở đi thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và các hướng dẫn kế toán khác có liên quan. Ban Giám đốc Công ty sẽ xem xét và đánh giá ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán để điều chỉnh việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán tiếp theo phù hợp với các quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận khi hàng hóa đã giao, dịch vụ cung cấp đã hoàn thành, được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các Quyết định về kế toán hiện hành và theo các Quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ tài chính. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể.

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân tích và đánh giá các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi và thực hiện trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi theo quy định của Thông tư số 228/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính với số tiền là 39.690.461.935 đồng.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành và theo các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Năm 2014, Công ty chưa thực hiện xác định giá trị thuần có thể thực hiện được cuối năm để làm căn cứ lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với các mặt hàng tồn đọng, chậm luân chuyển.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Công ty áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC trong việc trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

	Năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 4

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là chi phí mua phần mềm kế toán được trích khấu hao trong thời gian 3 năm.

**Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con**

Các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trực tiếp trên 50% quyền kiểm soát của bên nhận đầu tư được ghi nhận là các khoản đầu tư vào công ty con trên Bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Lãi của các khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả kinh doanh khi có quyết định phân chia lợi nhuận chính thức của công ty con.

**Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết**

Các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trực tiếp ít nhất 20% và không quá 50% quyền kiểm soát của bên nhận đầu tư được ghi nhận là khoản đầu tư vào công ty liên kết trên Bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Lãi của các khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả kinh doanh khi có quyết định phân chia lợi nhuận chính thức của công ty liên kết.

**Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành. Thời điểm trích lập được xác định theo ngày khóa sổ kế toán.

Do một số hạn chế từ các đơn vị có vốn đầu tư của Công ty nên trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014, Công ty chưa đánh giá được hiệu quả của các khoản đầu tư vào một số công ty con và công ty liên kết của Công ty là Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long, Công ty Cổ phần Sản xuất xuất nhập khẩu Thanh Hà, Công ty Cổ phần Haprosimex Đông Đô, Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Bao bì và hàng xuất khẩu Hà Nội nên Công ty chưa có đủ căn cứ để xác định số dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cần phải lập hoặc ghi nhận thu nhập từ các hoạt động đầu tư này.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất tạm nộp cho Ban quản lý Khu Công nghiệp Ninh Hiệp để thực hiện xây dựng nhà máy dệt kim xuất khẩu, chi phí lãi vay ngắn hạn, dài hạn và công cụ, dụng cụ xuất dùng.

Tiền thuê đất khu Công nghiệp Ninh Hiệp được phân bổ vào chi phí kinh doanh theo thời gian thuê đất khi Nhà máy dệt kim Haprosimex xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Công cụ, dụng cụ xuất dùng có thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi doanh nghiệp có thể thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn. Doanh thu bán hàng nông sản theo giá kỳ hạn được ghi nhận theo giá tạm tính tại thời điểm phát sinh và được điều chỉnh theo giá chính thức khi chốt giá tại thời điểm thỏa thuận theo hợp đồng bán hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hoá được chuyển sang người mua; đồng thời doanh nghiệp có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hoá, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được để số dư trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong năm theo các quy định tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Nguồn vốn, quỹ**

Vốn kinh doanh của Công ty do nhà nước cấp bằng tiền hoặc nhận phần vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp khác.

Lợi nhuận sau thuế và các quỹ của Công ty được phân phối theo các quy định tài chính hiện hành.

**Thuế**

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 4. Tiền

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	45.991.841	4.432.343
Tiền gửi ngân hàng	120.379.816	135.049.540
<b>Cộng</b>	<b>166.371.657</b>	<b>139.481.883</b>

## 5. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần HAP CAPITAL	1.407.642.118	1.427.949.854
Công ty TNHH HANOTEX	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Haprosimex Đông Đô (*)	6.046.686.696	6.046.686.696
Công ty SX-XNK Dịch vụ tổng hợp Vĩnh Phúc	72.486.828	72.486.828
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng KCN và đô thị số 18	1.152.896.338	1.152.896.338
Các khoản phải thu khác	1.027.127.669	477.364.373
<b>Cộng</b>	<b>12.706.839.649</b>	<b>12.177.384.089</b>

(\*) Là số dư phải thu về cổ phần hóa Công ty Cổ phần Haprosimex Đông Đô từ năm 2010. Tuy nhiên, Công ty và Công ty Cổ phần Haprosimex Đông Đô vẫn chưa thống nhất, đối chiếu số liệu giữa hai bên để hoàn thành thủ tục bàn giao vốn nhà nước sang Công ty cổ phần. Chi tiết các số dư với Công ty Cổ phần Haprosimex Đông Đô được trình bày tại thuyết minh số 26 – Số dư với các bên liên quan.

## 6. Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	117.029.847	371.974.040
Công cụ, dụng cụ	859.997	664.417.058
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.020.342.618	6.296.122.546
Thành phẩm	179.046.068	197.589.969
Hàng hóa	33.880.441	3.169.770.741
Hàng gửi đi bán	-	451.933.216
<b>Cộng</b>	<b>2.351.158.971</b>	<b>11.151.807.570</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**7. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng tại Văn phòng Công ty (*)	4.962.829.658	4.934.595.327
Tạm ứng tại Nhà máy Dệt kim	612.951.773	507.644.527
<b>Cộng</b>	<b><u>5.575.781.431</u></b>	<b><u>5.442.239.854</u></b>

(\*) Các khoản tạm ứng tại Văn phòng Công ty từ năm 2010 để phục vụ cho công tác xuất nhập khẩu, chi phí sản xuất kinh doanh cho Công ty nhưng vẫn chưa tập hợp đủ hồ sơ chứng từ để hoàn ứng. Chi tiết một số đối tượng lớn còn tồn đọng như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyễn Thị Thu	2.321.638.531	2.316.196.531
Đỗ Thị Đỗ Quyên	980.969.000	973.664.430
Phan Thị Ngọc Trâm	465.137.352	502.973.989
Phạm Tiến Dũng	906.315.494	916.637.494
Đối tượng khác	205.836.950	205.836.950
<b>Cộng</b>	<b><u>4.879.897.327</u></b>	<b><u>4.915.309.394</u></b>

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự án xây dựng Nhà máy nước Đông Anh	59.609.508.181	56.715.625.123
Dự án tổ hợp nhà ở, văn phòng tại 88 Láng Hạ	-	52.600.000
Công trình khác tại nhà máy Dệt kim	195.342.808	195.342.808
<b>Cộng</b>	<b><u>59.804.850.989</u></b>	<b><u>56.963.567.931</u></b>

**9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>29.645.267.289</b>	<b>29.645.267.289</b>
Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long	19.045.267.289	19.045.267.289
Công ty Cổ phần May Thanh Trì	10.600.000.000	10.600.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>24.134.000.000</b>	<b>24.134.000.000</b>
Công ty Cổ phần HAP CAPITAL	9.800.000.000	9.800.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất xuất nhập khẩu Thanh Hà	4.275.000.000	4.275.000.000
Công ty Cổ phần SXKD Bao bì và Hàng XK Hà Nội	600.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Mỹ nghệ xuất nhập khẩu Hà Nội	630.000.000	630.000.000
Công ty Cổ phần Haprosimex Đông Đô	8.829.000.000	8.829.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>290.642.400</b>	<b>290.642.400</b>
Đầu tư dài hạn khác	290.642.400	290.642.400
<b>Cộng</b>	<b><u>54.069.909.689</u></b>	<b><u>54.069.909.689</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Chi tiết các khoản đầu tư**

<b>Tên Công ty</b>	<b>Giá trị đầu tư tại 31/12/2014</b>	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>Hoạt động chính</b>
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>29.645.267.289</b>		
Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long	19.045.267.289	71,87%	Dệt kim, gia công may XK
Công ty Cổ phần May Thanh Trì	10.600.000.000	51,00%	May gia công xuất khẩu
<b>Đầu tư vào các Công ty liên kết</b>	<b>24.134.000.000</b>		
Công ty Cổ phần HAP CAPITAL	9.800.000.000	49,00%	Thương mại
Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Thanh Hà	4.275.000.000	26,93%	TM và SXKD sản phẩm may
Công ty Cổ phần SXKD Bao bì và Hàng XK Hà Nội	600.000.000	30,00%	Thương mại
Công ty Cổ phần Mỹ nghệ XNK Hà Nội	630.000.000	30,00%	Xuất nhập khẩu
Công ty Cổ phần Haprosimex Đông Đô	8.829.000.000	33,96%	May gia công xuất khẩu
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>290.642.400</b>		
Nguyễn Đắc Chiến	290.642.400		



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HAPROSIMEX**

22 Hàng Lược, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu B 09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	91.765.841.028	211.499.754.086	554.569.663	313.095.673	30.013.200	304.163.273.650
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	5.628.761.951	-	-	30.013.200	5.658.775.151
Giảm do thanh lý	-	5.628.761.951	-	-	30.013.200	5.658.775.151
Tại ngày 31/12/2014	91.765.841.028	205.870.992.135	554.569.663	313.095.673	-	298.504.498.499
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	20.901.503.922	83.901.642.310	489.638.212	288.742.782	30.013.200	105.611.540.426
Khấu hao trong năm	4.140.691.272	18.302.586.893	38.958.876	12.982.188	-	22.495.219.229
Giảm do thanh lý	-	1.641.828.838	-	-	30.013.200	1.671.842.038
Tại ngày 31/12/2014	25.042.195.194	100.562.400.365	528.597.088	301.724.970	-	126.434.917.617
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2014	70.864.337.106	127.598.111.776	64.931.451	24.352.891	-	198.551.733.224
Tại ngày 31/12/2014	66.723.645.834	105.308.591.770	25.972.575	11.370.703	-	172.069.580.882



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay	-	125.962.409.504
Tiền thuê đất khu Ninh Hiệp	13.011.597.523	15.102.341.265
Công cụ dụng cụ	137.993.349	209.746.851
Khác	-	73.686.561
<b>Cộng</b>	<b>13.149.590.872</b>	<b>141.348.184.181</b>

**12. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>174.909.389.238</b>	<b>175.443.710.121</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (1)	105.370.784.208	105.217.366.499
Ngân hàng TMCP Quân Đội (2)	10.692.833.918	10.547.761.551
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình (3)	39.312.771.112	39.203.282.071
Công ty Cổ phần May Thanh Trì	-	-
Công ty Dệt kim Thăng Long	8.000.000.000	8.000.000.000
Cán bộ công nhân viên trong Công ty (4)	8.988.000.000	10.295.300.000
Vay cá nhân	2.545.000.000	2.180.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>184.095.596.743</b>	<b>131.220.896.743</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	184.095.596.743	131.220.896.743
<b>Cộng</b>	<b>359.004.985.981</b>	<b>306.664.606.864</b>

- Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với mục đích bổ sung vốn lưu động. Số tiền vay bằng Việt Nam đồng là 97.282.841.060 đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất vay từ 13,5% đến 14%/năm; Số tiền vay bằng ngoại tệ là 529.026,58 USD tương đương 9.009.026,58 đồng với lãi suất 6%/năm. Hiện tại toàn bộ số dư khoản vay đã bị quá hạn do đó lãi suất cho vay được tính bằng 120% lãi suất vay trong hạn. Theo thông báo số 1279/TB-HAN-KH ngày 19/12/2014 về việc chuyển quyền chủ nợ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội, kể từ ngày 8/12/2014 Ngân hàng TMCP Ngoại thương Hà Nội chuyển giao toàn bộ quyền sở hữu khoản nợ của Công ty TNHH MTV Haprosimex và quyền đối với tài sản đảm bảo cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam bao gồm các khoản nợ gốc ngắn hạn, dài hạn và các khoản nợ lãi chưa được thanh toán.
- Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quân Đội, số tiền cho vay bằng ngoại tệ là 500.249,54 USD tương đương 10.692.833.918 đồng, lãi suất vay là 11,4%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Hiện tại toàn bộ số dư khoản vay đã bị quá hạn, lãi suất khoản vay do quá hạn vẫn là lãi suất ban đầu.
- Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (nay là Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội), số tiền vay bằng Việt Nam đồng là 31.242.695.564 đồng, lãi suất bình quân là 15,5%/năm, thời hạn vay là 3 tháng, khoản vay bằng USD là 377.547,38 USD lãi suất vay 7,5%/năm; mục đích sử dụng tiền vay là để bổ sung vốn lưu động. Hiện tại toàn bộ số dư khoản vay đã bị quá hạn, lãi suất quá hạn không thay đổi so với lãi suất trong hạn. Theo thông báo số 732/CV- SHB ngày 27/3/2015 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội về việc chuyển quyền chủ nợ; kể từ ngày 27/3/2014 Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội chuyển giao toàn bộ quyền sở hữu khoản nợ của Công ty TNHH MTV Haprosimex cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam bao gồm các khoản nợ gốc và các khoản nợ lãi chưa được thanh toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

4. Khoản vay cán bộ công nhân viên kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng, lãi suất từ 1,5% đến 2%/tháng.

**13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế Giá trị gia tăng	1.760.131.570	1.764.994.074
Thuế xuất nhập khẩu	-	152.773.621
Thuế thu nhập cá nhân	42.483.401	60.205.904
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.500.596.040	1.500.596.040
Các khoản thuế khác	445.744.968	376.294.105
<b>Cộng</b>	<b><u>3.748.955.979</u></b>	<b><u>3.854.863.744</u></b>

**14. Chi phí phải trả**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng chi phí lãi vay	4.080.544.533	4.403.376.765
Chi phí khác	6.168.014.994	4.749.953.596
	<b><u>10.248.559.527</u></b>	<b><u>9.153.330.361</u></b>

**15. Phải trả, phải nộp khác**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	82.590.750	55.134.463
Bảo hiểm xã hội	6.290.017.689	4.067.145.858
Bảo hiểm y tế	236.682.733	278.758.612
Bộ Quốc Phòng	2.995.065.000	2.954.430.200
Phải trả Công ty Cổ phần May Thanh Trì	500.000.000	500.000.000
Lãi vay phải trả	184.730.922.105	145.099.259.877
- Lãi vay Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long	3.488.000.000	2.672.000.000
- Lãi vay Ngân hàng HMCP Ngoại thương Việt Nam	123.367.248.915	95.000.623.358
- Lãi vay Ngân hàng TMCP Quân Đội	13.213.419.245	11.863.417.833
- Lãi vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	33.778.540.987	25.436.275.001
- Lãi vay sử dụng cho dự án Nhà máy nước Đông Anh	10.883.712.958	9.933.829.900
- Lãi vay cá nhân	-	193.113.785
Khác	5.576.254.243	3.656.433.368
<b>Cộng</b>	<b><u>200.411.532.520</u></b>	<b><u>156.611.162.378</u></b>

**16. Vay và nợ dài hạn**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (1)	13.893.750.000	64.309.250.000
<b>Cộng</b>	<b><u>13.893.750.000</u></b>	<b><u>64.309.250.000</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

- (1) Khoản vay dài hạn được tài trợ từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Hà Nội, theo các hợp đồng tín dụng như sau:
- Hợp đồng tín dụng số 01-2004/HDTD/VCB/HAPROSIMEX ngày 21/7/2004, tổng số tiền cho vay bằng USD là 12.445.242,08 USD, thời hạn vay 89 tháng, lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng; Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất tại khu công nghiệp Ninh Hiệp, toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của dự án Xí nghiệp dệt kim, các quyền lợi phát sinh từ tài sản hình thành từ vốn vay và trụ sở làm việc tại 22 Hàng Lược, mục đích sử dụng tiền vay là để thực hiện dự án Đầu tư "Xí nghiệp Dệt kim". Số dư tại ngày 31/12/2014 là 8.480.000 USD tương ứng với 178.800.800.000 đồng, trong đó số đến hạn trả là 7.830.000 USD tương ứng với 167.366.250.000 đồng.
  - Hợp đồng tín dụng số 01/08/DH/NHNTN ngày 29/09/2008, tổng số tiền cho vay bằng VND là 19.970.346.743 VND, thời hạn vay 72 tháng, lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng; Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ dự án di dời, đầu tư và chuyển đổi năng lực sản xuất xí nghiệp mũ xuất khẩu; mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán các khoản chi phí thiết kế, thi công xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà, xưởng và chi phí mua máy móc thiết bị, dụng cụ quản lý của dự án. Số dư tại ngày 31/12/2014 là 16.729.346.743 đồng, trong đó số đến hạn trả là 16.729.346.743 đồng.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 12 - Vay và nợ ngắn hạn, theo thông báo số 1279/TB-HAN-KH ngày 19/12/2014 về việc chuyển quyền chủ nợ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội, kể từ ngày 8/12/2014 Ngân hàng TMCP Ngoại thương Hà Nội chuyển giao toàn bộ quyền sở hữu khoản nợ của Công ty TNHH MTV Haprosimex và quyền đối với tài sản đảm bảo cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam bao gồm các khoản nợ gốc ngắn hạn, dài hạn và các khoản nợ lãi chưa được thanh toán.

*Lịch trả nợ của công ty chi tiết như sau:*

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	184.095.596.743	131.220.896.743
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	13.893.750.000	64.309.250.000
<b>Cộng</b>	<b>197.989.346.743</b>	<b>195.530.146.743</b>
Nợ ngắn hạn đến hạn trả	184.095.596.743	131.220.896.743
<b>Vay dài hạn</b>	<b>13.893.750.000</b>	<b>64.309.250.000</b>

**17. Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hãng thời trang NEM thuê mặt bằng (1)	11.229.900.000	11.604.230.000
Công ty TNHH Vạn Lợi thuê mặt bằng	200.000.000	-
Bà Phạm Thu Hà thuê mặt bằng	43.333.334	-
Ngân hàng Vietcombank thuê mặt bằng (2)	2.200.000.000	2.800.000.000
Cho thuê kho tại nhà máy Dệt Kim	1.922.222.222	-
<b>Cộng</b>	<b>15.595.455.556</b>	<b>14.404.230.000</b>

- (1) Khoản tiền thu từ việc cho Công ty Cổ phần thời trang NEM thuê một phần văn phòng số 22 Hàng Lược với thời gian thuê là 34 năm kể từ khi bàn giao địa điểm cho thuê với tổng giá trị hợp đồng là 12.727.272.727 đồng. Số dư tại thời điểm 31/12/2014 là 11.229.900.000 đồng.
- (2) Khoản tiền thu từ việc cho Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội thuê 46,7m<sup>2</sup> thuộc một phần tầng 1 nhà 22 Hàng Lược với thời gian thuê là 5 năm kể từ ngày 1/9/2013 đến 31/8/2018 với tổng giá trị hợp đồng là 3 tỷ. Số dư tại thời điểm 31/12/2014 là 2,2 tỷ đồng.



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HAPROSIMEX**

Số 22 Hàng Lược, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B 09-DN

**18. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 1/1/2013	177.489.029.214	(39.050.254.933)	1.394.931.275	2.313.878.776	392.265.073	(168.760.403.187)	14.285.041
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	(34.588.441.555)	-
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá	-	(2.330.525.110)	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2013	177.489.029.214	(41.380.780.043)	1.394.931.275	2.313.878.776	392.265.073	(203.348.844.742)	14.285.041
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	(282.886.339.159)	-
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá	-	41.380.780.043	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2014	177.489.029.214	-	1.394.931.275	2.313.878.776	392.265.073	(486.235.183.901)	14.285.041



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	23.106.150.513	31.850.458.896
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.259.220.825	1.570.867.409
Cộng	24.365.371.338	33.421.326.305
Các khoản giảm trừ	-	46.323.530
Doanh thu thuần	24.365.371.338	33.375.002.775

20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	47.967.741.350	53.861.391.495
Cộng	47.967.741.350	53.861.391.495

21. Doanh thu tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi	667.486	28.238.396
Cổ tức, lợi nhuận được chia	840.065.800	958.925.365
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	166.275.956	30.988.689
Lãi bán cổ phần công ty Haprosimex JSC	-	3.703.392.000
Cộng	1.007.009.242	4.721.544.450

22. Chi phí tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	167.816.940.346	6.071.180.224
Chênh lệch tỷ giá	44.333.862.996	41.106.735
Lỗ bán cổ phần	-	132.520.000
Chi phí tài chính khác	-	66.363.635
Cộng	212.150.803.342	6.311.170.594



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**23. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.505.717.023	5.925.198.391
Chi phí vật liệu quản lý	276.240.656	68.593.141
Chi phí đồ dùng văn phòng	52.944.414	182.605.580
Chi phí khấu hao TSCĐ	808.188.628	1.280.491.399
Thuế, phí và lệ phí	647.322.591	290.986.341
Các khoản dự phòng	34.722.953.914	233.148.390
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.333.212.476	3.048.836.393
Chi phí bằng tiền khác	475.025.122	728.749.213
<b>Cộng</b>	<b>42.821.604.824</b>	<b>11.758.608.848</b>

**24. Thu nhập khác**

	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thanh lý hàng tồn kho	-	933.075.606
Thu thanh lý tài sản cố định	1.511.629.900	1.838.372.989
Khác	-	277.458.203
<b>Cộng</b>	<b>1.511.629.900</b>	<b>3.048.906.798</b>

**25. Chi phí khác**

	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thanh lý tài sản cố định	3.991.161.765	632.400.000
Chi bồi thường, bị phạt	1.099.810.101	383.031.044
Khác	309.823.597	193.235.691
<b>Cộng</b>	<b>5.400.795.463</b>	<b>1.208.666.735</b>

**26. Số dư với các bên liên quan**

Công ty có số dư với các bên liên quan tại 31/12/2014

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long	8.000.000.000	8.000.000.000
Công ty Cổ phần May Thanh Trì	-	800.000.000
<b>Phải trả khác</b>		
Công ty Cổ phần May Thanh Trì	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long	3.488.000.000	2.672.000.000
<b>Số dư phải thu với Công ty Cổ phần Haprosimex</b>		
<i>Số dư phải thu khác</i>	<i>6.046.686.696</i>	<i>6.046.686.696</i>
<i>Số dư phải trả khác</i>	<i>2.455.646.589</i>	<i>2.455.646.589</i>
<b>Phải thu sau khi bù trừ công nợ</b>	<b>3.591.040.107</b>	<b>3.591.040.107</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

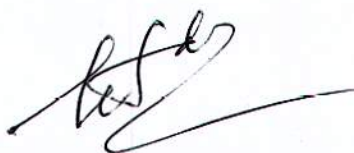
*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**27. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

**28. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính của Công ty là số liệu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán.



**Lê Hoàng Ân**  
Người lập



**Trần Thị Thanh Hương**  
Trưởng phòng kế toán

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2015



**Nguyễn Cơ Tâm**  
Tổng Giám đốc

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 6174 ..... Quyền số: 01/BS

Ngày: 18-10-2016

TM. UBND PHƯỜNG HÀNG MÃ



**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Hồng Nhung**